



zhé duàn

折断

verb · to break off, snap

Example Sentences

dà fēng bǎ shù zhī zhé duàn le
大风把树枝折断了。

The strong wind snapped the tree branch.

tā yòng lì zhé duàn le qiān bǐ
他用力折断了铅笔。

He broke the pencil with force.

Trace each character, then write the word on your own.

折	折	折	折	折	折	折	折	折	折
断	断	断	断	断	断	断	断	断	断
断	断	断							